BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ KIẾN) DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2025-2026 - KHÓA 61 KHOA KHÁCH SẠN DU LỊCH

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
1	25D255095	Nguyễn Phương	Thảo	K61BKI2	BKI	7	8	9.21	4.00	97		Xuất sắc
2	25D255027	Phạm Khánh	Ly	K61BKI1	BKI	7	8	9.00	3.86	80		Giỏi
3	25D255014	Nguyễn Đức	Hoàng	K61BKI1	BKI	7	8	8.84	3.79	83		Giỏi
4	25D255061	Trần Thu	Hà	K61BKI2	BKI	7	8	8.53	3.86	84		Khá
5	25D255031	Đào Ngọc Hà	My	K61BKI1	BKI	15		8.48	3.63	81		Khá
6	25D255072	Nguyễn Trung	Kiên	K61BKI2	BKI	7	8	8.46	3.43	84		Khá
7	25D255032	Phùng Nhật	Nam	K61BKI1	BKI	7	8	8.44	3.43	82		Khá
8	25D255048	Nguyễn Hữu	Trọng	K61BKI1	BKI	15		8.35	3.53	94		Khá
9	25D255050	Nguyễn Trần Lê	Vân	K61BKI1	BKI	15		8.30	3.47	90		Khá
10	25D255063	Bùi Thị Minh	Hằng	K61BKI2	BKI	7	8	8.27	3.57	84		Khá
11	25D255084	Nguyễn Phương	Ngân	K61BKI2	BKI	15		8.23	3.53	86		Khá
12	25D255098	Trần Minh	Triết	K61BKI2	BKI	15		8.19	3.30	89		Khá
13	25D110071	Phạm Thị Hồng	Hải	K61BKS2	BKS	18		9.50	4.00	98		Xuất sắc
14	25D110018	Lê Thu	Huyên	K61BKS1	BKS	16	2	9.05	3.75	87		Giỏi
15	25D110017	Hàn Công	Huy	K61BKS1	BKS	16	2	8.94	3.75	85		Giỏi
16	25D110054	Vũ Quang	Tùng	K61BKS1	BKS	16	2	8.94	3.75	92		Giỏi
17	25D110045	Giàng Thị	Sua	K61BKS1	BKS	18		8.87	3.94	85	Có	Khá
18	25D110050	Vũ Quỳnh	Trang	K61BKS1	BKS	16	2	8.86	3.69	85		Khá
19	25D110009	Phạm Hồng	Diên	K61BKS1	BKS	16	2	8.85	3.75	85		Khá
20	25D110019	Lê Trúc Quỳnh	Hương	K61BKS1	BKS	18		8.84	3.72	86		Khá
21	25D110011	Đào Thùy	Dương	K61BKS1	BKS	18		8.80	3.83	85		Khá
22	25D110097	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K61BKS2	BKS	18		8.73	3.72	90		Khá
23	25D250018	Lý Thị Tuyết	Lan	K61BLH1	BLH	17		9.02	3.85	97		Xuất sắc
24	25D250017	Nguyễn Xuân	Kiên	K61BLH1	BLH	17		8.94	3.76	93		Giỏi
25	25D250027	Nguyễn Hải	Nam	K61BLH1	BLH	15	2	8.86	3.53	88		Giỏi
26	25D250044	Nguyễn Thị Phương	Anh	K61BLH2	BLH	17		8.86	3.91	89		Giỏi
27	25D250001	Nguyễn Ngọc Yến	An	K61BLH1	BLH	15	2	8.82	3.90	98		Khá
28	25D250090	Trịnh Bạch	Dương	K61BLH3	BLH	15	2	8.79	3.77	86		Khá
29	25D250043	Nguyễn Phương	Anh	K61BLH2	BLH	15	2	8.78	3.50	85		Khá
30	25D250024	Chu Thị Khánh	Ly	K61BLH1	BLH	17		8.74	3.44	84		Khá
31	25D250038	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K61BLH1	BLH	17		8.62	3.71	82		Khá
32	25D250016	Ngô Kim	Khánh	K61BLH1	BLH	17		8.61	3.71	89		Khá
33	25D250005	Trần Duy	Anh	K61BLH1	BLH	15	2	8.51	3.33	82		Khá
34	25D250046	Khúc Gia	Bảo	K61BLH2	BLH	15	2	8.51	3.53	85		Khá
35	25D250112	Vũ Minh	Phương	K61BLH3	BLH	15	2	8.49	3.60	86		Khá